

CHƯƠNG 2. NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA BIÊN DỊCH

2.1 Định nghĩa của biên dịch

“Biên dịch giống như tình yêu. Tôi không thể biết thực chất nó là gì mà cũng có thể nó thực chất không là gì cả”. Newmark đã so sánh biên dịch với tình yêu như vậy. Tức là về bản chất biên dịch dù mang rất nhiều tình cảm hay lí luận thì cũng khó có thể tìm hiểu được 1 cách dễ dàng.

Cho đến bây giờ, không biết đã bao nhiêu học giả đưa ra quan điểm và tranh luận về định nghĩa cũng như bản chất của biên dịch, nhưng trước hết hãy xem xét ý nghĩa của nó.

Biên dịch, theo tiếng Hán có thể hiểu là: ‘sự dịch chuyên’, ‘sự thông dịch’, ‘sự giải nghĩa’. Theo định nghĩa được ghi chép trong từ điển thì: “là sự dịch chuyên bài viết từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ nào đó” hay “sự chuyển đổi lời nói hoặc bài viết từ tiếng của quốc gia này sang tiếng của quốc gia nào đó”.

Mặt khác, động từ mượn “biên dịch” (traduire) phát sinh từ động từ gốc Latinh (traducere), nếu giải nghĩa thì ‘về phương diện nào đó, là sự dịch chuyển từ 1 điểm đến 1 điểm khác’, như vậy, biên dịch được định nghĩa không phải chỉ truyền đạt ý nghĩa của từ ngữ đơn thuần mà có thể mở rộng đến cả mặt tư tưởng hoặc mặt phi ngôn ngữ.

Sau đây là những định nghĩa đa dạng của các học giả:

- Nida & Taber: Bản chất của biên dịch là hành vi tái hiện “ngôn ngữ nguồn dưới dạng ngôn ngữ đích 1 cách gần nhất về ý nghĩa và gia tăng sự tự nhiên”.
- Gloria Anzilotti: Biên dịch là thao tác phân tích ý đồ của tác giả cho nên quan trọng là các yếu tố mang tính giao tiếp.

- Gogol: Biên dịch lý tưởng là nhìn chăm chú vào thứ gì đó giống như khi nhìn qua một tấm kính mờ không biết thứ gì đang ở trong tầm mắt .
- Niranjana: Biên dịch là vật trung gian cũng như là cầu nối văn hóa.
- Catford: Biên dịch là sự hoán đổi ngôn ngữ nào đó sang ngôn ngữ khác mà gia tăng các yếu tố được sử dụng trong văn bản.
- Delisle: Biên dịch không phải là tái hiện kí hiệu mà là tái hiện khái niệm hoặc ý nghĩa.
- Lawendowsky: Biên dịch là tổ hợp ngôn ngữ nào đó được chuyển thành tổ hợp ngôn ngữ khác.
- Nord: Biên dịch là tạo ra văn bản đích có chức năng liên quan đến đặc tính văn bản nguồn mà được chọn lọc tùy theo mục đích sử dụng hay yêu cầu của văn bản đích.
- Sager: Biên dịch là hoạt động công nghiệp bị phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài, nhận sự hỗ trợ của công nghệ thông tin nên có thể đa dạng tùy vào yêu cầu đặc thù nhằm mục đích giao tiếp.

Vào năm 1959, Roman Jakobson đã phân loại phiên dịch thành 3 loại hình như sau:

1. Biên dịch nội ngôn ngữ: biên dịch chuyển các kí hiệu ngôn ngữ thành các kí hiệu khác trong cùng 1 ngôn ngữ
2. Biên dịch giữa các ngôn ngữ: biên dịch chuyển các kí hiệu ngôn ngữ thành các kí hiệu của ngôn ngữ khác.
3. Biên dịch giữa các kí hiệu: biên dịch chuyển các kí hiệu ngôn ngữ thành các kí hiệu mang tính phi ngôn ngữ như âm nhạc, hội họa, điện ảnh.

Cách phân loại của Jakobson tức là các kí hiệu của 1 ngôn ngữ xuất hiện ở nhiều trạng thái và toàn bộ có thể được truyền đạt thông qua các các kí hiệu ngôn ngữ khác thuộc cùng ngôn ngữ, các kí hiệu của ngôn ngữ khác hoặc các kí hiệu phi ngôn ngữ. Từ đó suy ra biên dịch có thể khiến các hệ thống kí hiệu khác nhau liên kết quan hệ với nhau, nó có khả năng gia tăng tính đồng nhất trong phương thức, chức năng thể hiện ý nghĩa. Cái mà chúng ta vẫn thường gọi là “biên dịch” với nghĩa giao hoán giữa các ngôn ngữ khác nhau thì Jakobson lại cho là dịch nói.

Ngoài ra, để nắm bắt được trọng tâm và phương hướng cần đưa ra khi định nghĩa biên dịch, Etienne Dolet xem xét 5 nguyên lí qui định như sau:

(1) Người biên dịch phải linh hoạt để làm mạch lạc những thứ không rõ ràng và hiểu được cái đẹp cũng như ý nghĩa của nguyên tác.

(2) Người biên dịch phải am hiểu hoàn toàn ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích.

(3) Người biên dịch phải tránh dịch từ sang từ.

(4) Người biên dịch phải sử dụng từ ngữ thông dụng trong ngôn ngữ thường ngày.

(5) Người biên dịch phải lựa chọn và dùng từ hợp lí nhằm tạo nên ngữ điệu chính xác.

Dolet (1509-46) là 1 biên dịch viên người Pháp đã bị xử phạt vì biên dịch sai thư của Plato, đã nói rằng “ngôn ngữ biên dịch phải làm thỏa mãn linh hồn và đôi tai”, nhấn mạnh cả 2 yếu tố sự thấu hiểu ngôn ngữ gốc và sự hoàn chỉnh ngôn ngữ đích.

F.G. Konigs sử dụng các yếu tố lí luận thực tiễn để định nghĩa biên dịch như sau:

Biên dịch là quá trình giữ nguyên qui phạm từ vựng, thể văn của ngôn ngữ đích và hoán đổi 1 cách hợp lí các tài liệu ngôn ngữ nguồn thành ngôn ngữ khác, tính thích hợp của hoán đổi này được quyết định bởi năng lực của người biên dịch viên và chịu ảnh hưởng bởi quá trình tiến hành dịch, quá trình cấu tạo mang tính tâm lí, kinh nghiệm của người biên dịch và các yếu tố tình huống khác.

Dựa theo F.G. Konigs thì việc tiến hành dịch được kết hợp với các điều kiện tình huống và chi phối sự thể hiện năng lực. Cùng một biên dịch viên dịch cùng 1 văn bản đi chăng nữa, mỗi lần dịch vẫn có thể khác đi chính là khái niệm của việc tiến hành dịch này.

Trong 1 vài định nghĩa đã xem xét ở phía trước mặc dù có tồn tại đối tượng, ngôn ngữ và các lĩnh vực vấn đề đa dạng của biên dịch thì cũng không thể khẳng định đó là các định nghĩa hoàn hảo. Nhưng xem xét tổng hợp định nghĩa của nhiều học giả thì có thể rút ra kết luận như sau.

Thứ nhất, biên dịch là quá trình diễn ra giữa các ngôn ngữ khác nhau.

Thứ 2, biên dịch hướng tới mục tiêu tái hiện hình ảnh gần nhất với nguyên mẫu. Tái hiện hình ảnh 1 cách hiệu quả có thể được mở rộng từ lời nói cá biệt cho đến 1 phần hoặc toàn bộ văn bản.

Thứ 3, người biên dịch bên cạnh các yếu tố mang tính ngôn ngữ học phải quan tâm đến các yếu tố ngoài ngôn ngữ như thói quen sinh hoạt, giá trị quan, văn hóa nhằm tạo tính bổ sung cho văn bản.

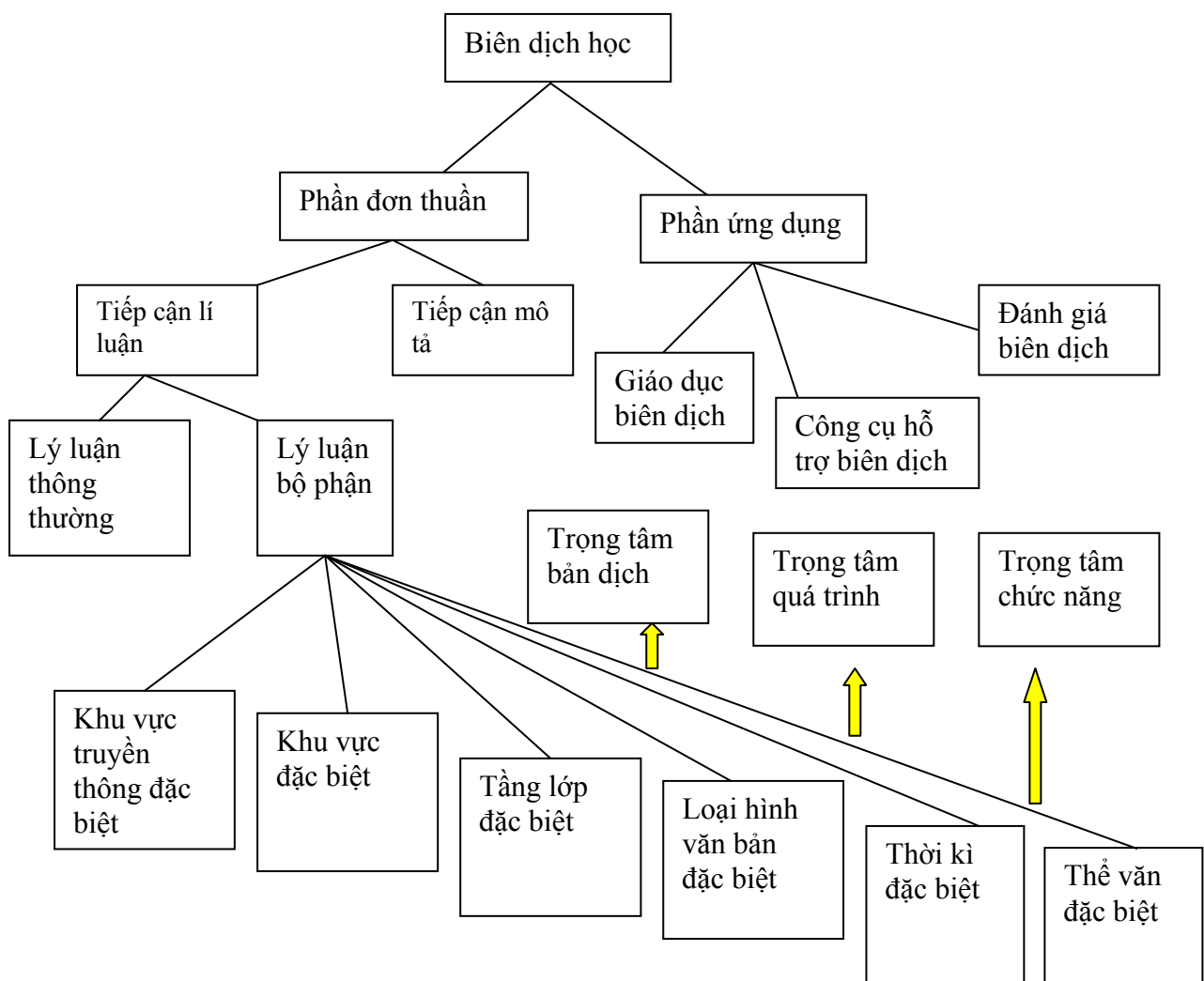
2.2 Cấu thành của biên dịch học

(1) Đường lối biên dịch của Holmes

Nghiên cứu để phát triển biên dịch học thành 1 hệ thống rõ ràng, cần phải tham khảo cuốn “Tên gọi và đặc tính biên dịch” của James S. Holmes. Cuốn

sách này vào năm 1972 đã bổ sung vào luận văn phát biểu tại bộ phận biên dịch của hội nghị ngôn ngữ học ứng dụng quốc tế lần thứ 3 diễn ra tại Copenhagen của Đan Mạch. Trong số các trường phái nghiên cứu biên dịch lâu năm, bộ phận biên dịch dần hình thành và Holmes đã dẫn đầu về phạm vi biên dịch học. Ngoài ra, ông cũng đóng góp những lí luận biên dịch mang tính định hướng cho các học giả nghiên cứu trong các lĩnh vực không liên quan đến nền tảng học vấn và nhấn mạnh tính cần thiết của ‘khuyh hướng giao tiếp đa dạng’. Holmes mô tả các lĩnh vực bao hàm biên dịch học và đề xuất cơ sở mang tính phổ quát. Đường lối này được đưa ra dựa theo Gideon Toury- học giả biên dịch nổi tiếng của Israen.

2.1 Phân loại biên dịch học của Holmes (Toury 1995: 10)



Ở sơ đồ giải thích đối tượng của “phần đơn thuần”,

1. Mô tả hiện tượng biên dịch- lí luận biên dịch mô tả
2. Giải thích hiện tượng này, thành lập nguyên lí mang tính phỏng đoán- lí luận biên dịch.

Phần lí luận chia thành lí luận thông thường và lí luận bộ phận. Về “lí luận thông thường”, Holmes giải thích, mô tả toàn bộ hình thái đa dạng của biên dịch và chỉ ra những tác phẩm liên quan. ‘Lí luận bộ phận’ được giới hạn bởi 5 loại như hình vẽ.

Đường lối của Holmes cũng mang tính mô tả các dạng khác nhau của phần đơn thuần.

Phương pháp tiếp cận mô tả chia làm 3 loại: (1) trọng tâm bản dịch (2) trọng tâm quá trình biên dịch (3) trọng tâm chức năng.

Lĩnh vực biên dịch học ứng dụng, khác với biên dịch học đơn thuần bao gồm các lĩnh vực như hỗ trợ rèn luyện biên dịch viên, phát triển từ điển, ngân hàng ngôn ngữ, chính sách biên dịch và đánh giá biên dịch. Holmes đã đề xuất 1 vài phương hướng nghiên cứu biên dịch học. Trước hết nhấn mạnh tính quan trọng của loại hình nghiên cứu nhằm 2 mục đích (1) nghiên cứu về bản chất lí luận biên dịch (2) lí luận phương pháp nghiên cứu biên dịch cũng như mẫu phát triển. Ông cũng khẳng định nghiên cứu mang tính lí luận, mô tả, ứng dụng về biên dịch học không độc lập mà kết hợp duy trì mối quan hệ biện chứng phát triển theo chu kì.

Đường lối biên dịch học của Holmes đã giải quyết sự hỗn loạn các lĩnh vực biên dịch trước đó, có ý nghĩa nhấn mạnh vào tính kết hợp và tính minh bạch giữa chúng.

(2) Đường lối biên dịch học chi tiết của Toury

Đường lối biên dịch của Holmes và Toury có sự khác biệt ở một vài mặt. Holmes nhấn mạnh quan hệ biện chứng kết hợp của 3 lĩnh vực lí luận- mô tả- ứng dụng. Nhưng Toury lại không nhìn vào các yếu tố trọng tâm của nghiên cứu biên dịch học hoạt động ở các lĩnh vực ứng dụng như rèn luyện biên dịch viên hay đánh giá biên dịch. Thay vào đó chú trọng mở rộng biên dịch học. Ông khẳng định tiếp cận lí luận và tiếp cận mô tả lần lượt ở trạng thái độc lập có thể phát triển thêm và gọi những thứ mình sẽ phát triển thêm là “lĩnh vực ứng dụng mở rộng của biên dịch học”.

2.3 Dịch thuật truyền thông

Truyền thông biểu thị quá trình trao đổi thông tin giữa những người tham gia vào quá trình hiểu biết lẫn nhau một cách thống nhất về ý. Lúc đó hình thức của việc trao đổi thông tin bao gồm cung cấp tri thức hoặc kinh nghiệm, khuyên nhủ, ra mệnh lệnh, hỏi đáp... Truyền thông được cấu thành bởi hoàn cảnh giao tiếp, người tham gia giao tiếp (người nói/ người nghe hoặc tác giả/ người đọc) và thông điệp, tin nhắn. Nếu xem xét kĩ khái niệm một cách đơn giản thì đầu tiên, người tham gia giao tiếp trong hoàn cảnh phiên dịch có thể thấy là cần thiết chia làm 2 cấp bậc.

Đầu tiên, có thể chia theo quan hệ giữa tác giả với người phiên dịch, và có thể chia theo quan hệ giữa người phiên dịch với người đọc. Trong hoàn cảnh giao tiếp mà sử dụng những ngôn ngữ khác nhau thì năng lực trung gian của người phiên dịch là một yếu tố rất quan trọng. Người phiên dịch phải truyền tải ý nghĩa của thông điệp gốc một cách tổng thể mà không thay đổi điều gì và cũng không bao gồm cảm xúc cá nhân.

Thứ hai, người phiên dịch sẽ trở thành người đưa ra thông điệp, truyền tải đến người đọc nội dung mà bản thân mình hiểu.

Tiếp theo, đối tượng trực tiếp của giao tiếp chính là thông điệp. Khi nói tới những thông tin tổng thể bao gồm thái độ, mệnh lệnh, kinh nghiệm và tri thức của người bắt đầu giao tiếp thì nó được hình thành bởi nội dung và hình thức. Trong hoàn cảnh phiên dịch có thể truyền đạt sau khi thu hẹp phạm vi bằng văn bản viết.

Cuối cùng, trong số những hoàn cảnh tổng thể xung quanh giao tiếp mà đặc biệt trong phiên dịch giao tiếp thì hoàn cảnh và mạch văn là yếu tố quan trọng. Cho dù truyền tải thông điệp có hình thức đồng nhất giữa người tạo ra thông điệp và người tiếp nhận thì tùy vào hoàn cảnh phiên dịch cũng có thể đem lại cho người đọc phản ứng và cách phân tích khác nhau.

Trên trang Wikipedia có định nghĩa về phiên dịch là: Phân tích ý nghĩa của một văn bản sử dụng một ngôn ngữ sau đó sử dụng ngôn ngữ khác tạo ra một văn bản mang lại thông điệp tương đương. Thêm vào đó, Wordnet định nghĩa phiên dịch là: Câu văn giao tiếp được hình thành bằng ngôn ngữ thứ nhất với câu văn giao tiếp sử dụng ngôn ngữ thứ hai mang ý nghĩa thông nhất.

Trong cả hai định nghĩa này, có thể nhìn thấy một điều trong hành vi giao tiếp là phiên dịch là hành vi giúp cho việc hiểu ý được tạo thành do sử dụng ngôn ngữ.

2.4 Dịch theo giá trị tương đương tổng thể

[1] Khái niệm tính tương đương

Tính tương đương là từ ngữ chuyên môn bắt nguồn từ toán học và lý luận hình thái học, có ý nghĩa để sắp xếp các yếu tố của phương trình có khả năng thay đổi vị trí cho nhau. Snell- Hornby đã bàn luận về điểm khác nhau trong ý nghĩa của tính tương đương trong từ equivalence của tiếng Anh với từ Äquivalenz của tiếng Đức. Theo đó, từ equivalence của tiếng Anh là từ chuyên môn học thuật được sử dụng để đưa ra những hiện trạng hoặc quá trình mang

tính khoa học trong khoa học chính xác, cụ thể còn Äquivalenz thì được sử dụng theo ý nghĩa là từ chuyên môn “ cung cấp bồi thường, đền bù” cho những từ mới mang nghĩa so sánh. Ông Leipzig của Đức trong khi nghiên cứu về quan hệ tương đương trong quá trình phiên dịch và Jacobson sử dụng lần đầu năm 1959 trong phiên dịch học.

Tính tương đương là khái niệm quan trọng trong phiên dịch tuy nhiên khách quan mà nói thì rất khó để có thể đưa ra định nghĩa một cách chính xác. Lý do là vì bản thân khái niệm tính tương đương tùy vào việc liên quan đến các đặc tính của người đọc, văn bản, phiên dịch thì tiêu chuẩn và điều kiện hình thành tính tương đương là đa dạng, khác nhau.

Đầu tiên, có thể thấy các học giả khác nhau đưa ra khái niệm về tính tương đương khác nhau

- Catford: Với cương vị là người chủ xướng khái niệm tính tương đương thời kì đầu tiên, mục tiêu là đạt được tính tương đương trong thay đổi cấp bậc của quan điểm mang tính ngôn ngữ. Tính tương đương hiểu là yếu tố văn bản của SL thay thế bởi yếu tố văn bản của TL.

- Nida: Trong khái niệm tính tương đương của quan điểm mang tính ngôn ngữ vốn có, tính tương đương là hoán đổi trọng tâm qua văn hóa sang ngôn ngữ đích của người đọc. Tính tương đương động lực, nghĩa là quan hệ của điểm khác biệt giữa thông điệp và ngôn ngữ đích của người đọc là quan hệ tồn tại trong thông điệp của văn bản gốc và cách biệt của người đọc phải đồng nhất. Mục đích của tính tương đương động lực được định nghĩa là việc tìm ra tính tương đương một cách tự nhiên, gần nhất trong thông điệp của ngôn ngữ gốc.

- Larson: Tính tương đương có nghĩa là duy trì “tính động lực” và “ý nghĩa giống nhau” và ý nghĩa mang thái độ của tác giả văn bản.

- Lévy: Đưa ra tính tương đương nhấn mạnh ở toàn bộ nội dung chung.

- Neubert: Tính tương đương văn bản, đặc trưng của văn bản là nói về trường hợp liên quan trong hình thức ban đầu của tính tương đương về chức năng, vai trò, hoàn cảnh.

- Farghal: Đưa ra tính tương đương mang tính ý tưởng. Coi là sự đối đáp giữa ý tưởng và đối đáp của hiệu quả.

Trong ý nghĩa chuẩn, phiên dịch học được bắt đầu thai nghén vào những năm 1960, và những năm 1970 thì tính tương đương mang tính ngôn ngữ trở thành yếu tố trọng tâm của bàn luận. Tuy nhiên, kể từ khi phiên dịch học dần dần từng bước phát triển thì phạm vi của các yếu tố mang tính cấu thành nên tính tương đương cũng dần dần trở nên lớn hơn, ngày nay tính tương đương bao quát bao gồm tất cả các mục như vai trò, chức năng, tình huống giao tiếp, ý nghĩa; nếu nói cách khác cho biết văn bản và giá trị bình đẳng tổng thể của văn bản, tính tương đương giữa văn bản. Như vậy gọi là tổng hợp lý luận của lý luận giải thích một cách bao quát tất cả quá trình liên quan và phạm vi của phiên dịch.

Theo như Baker, Holmes giải thích rằng tuy chia lý luận phiên dịch ra thành 2 phần lớn, một là lý luận chia nhỏ và hai là lý luận tổng hợp nhưng cái gọi là lý luận chia nhỏ là yếu tố can thiệp vào phiên dịch, thêm nữa mặt khác điều khiển trong lý luận giải thích cho một phần của quá trình thì khoảng cách giữa văn bản hữu hình, hiện trạng văn hóa, ngôn ngữ của mỗi cá nhân, lý luận giải thích một cách bao quát cho tất cả phạm vi và quá trình liên quan được gọi là lý luận tổng hợp. Lý luận tổng hợp này có thể được gọi là biểu tượng của “ Mô hình thông điệp” của Eugene A.Nida và Charles R.Taber. Lý luận này thất chặt tính chất của mô hình tổng hợp như thừa nhận tính cần thiết của văn hóa trung gian, hiện trạng phiên dịch và nhấn mạnh việc phiên dịch yáo ra hiệu quả giao tiếp của việc phiên dịch, đặc biệt phiên dịch mà trọng tâm là người đọc và hiệu quả của văn bản nguyên gốc, hiệu quả tương đương.

Nếu phiên dịch là việc tái hiện lại từ ngôn ngữ tiếp nhận những tương đương một cách tự nhiên, gần gũi nhất với thông điệp của ngôn ngữ gốc thì lúc đó những từ tương đương của ngôn ngữ tiếp nhận phải có thể truyền tải được một cách gần gũi và tự nhiên nhất ý nghĩa của thông điệp đó. Nghĩa là so với tính thống nhất của hình thức ngữ pháp thì tính tương đương về mặt ý nghĩa là quan trọng hơn. Điều này là phương thức nhấn mạnh việc tái hiện ý nghĩa hơn là giữ gìn hình thức của văn bản gốc.

Xem xét tiền lệ nổi tiếng được trích dẫn của điều này, trong Tin lành của Mark của Kinh thánh 2:1 cụm từ en oiko trong tiếng Hi Lạp, nếu giải nghĩa từ này thì phân tích là “trong nhà, in house” nhưng thực tế ý nghĩa của nó trong nhiều bản dịch là “trong nhà, at home”.

Nida đã hình thành nên khái niệm tính tương đương khi nhìn thấy tính tương đương của ý nghĩa cho dù trong văn bản, câu văn, cấu trúc ngữ pháp hay từ ngữ khác nhau. Và với sự bao hàm đối tượng là người tiếp nhận thì chia ra tương đương động lực và tương đương hình thái bao gồm tính tương đương. Đặc biệt điều này giải thích cho việc những người phiên dịch kinh thánh tại nơi làm việc dù không có cừu và tại nơi họ ở cũng không tồn tại từ như vậy nhưng tại sao có thể phiên dịch chính xác được. Nếu giải thích về tương đương mang tính nội dung thì trong Tin Lành của thánh John 1:29 lấy ví dụ “Chú cừu non của chúa trời” thì trong cụm “Chú cừu non của chúa trời là con vật lấy đi tội lỗi của thế giới”, chú cừu non là loài động vật có ý nghĩa hi sinh, tế thần, dùng với ý nghĩa là sự tồn tại thuần khiết và trong sạch.

Tuy nhiên hiện trạng văn hóa khác nhau nên tương đương hình thức của từ “cừu” so với con dê không thuần khiết hơn, không phải là loài gia súc sạch sẽ nên mang lại vấn đề trong việc truyền tải ý nghĩa tương đương. Trái lại, ở địa điểm đó người dân nhận thức là so với cừu thì dê là loài vật sạch sẽ và thuần khiết hơn. Trong trường hợp này, việc phiên dịch của ý nghĩa nội dung không

phải là “Chú cừ non của chúa trời” nữa mà đã trở thành “Chú dê non của chúa trời”. Cũng trong hoàn cảnh tương tự, đối với người Eskimo, cừu không phải là loài động vật được biết đến nhiều. Vì thế trong trường hợp này họ giải thích cho việc biểu thị “Chú linh cẩu của chúa trời”.

[2] Tính tương đương và đối đáp của lý luận phân tích

Lý luận phân tích vì dự định điều khiển một cách tỉ mỉ trong một phần của lý luận biên phiên dịch và ở đây, trong vị trí của lý luận phân tích chỉ ra khái niệm của đối đáp và tính tương đương.

Những học giả xuất thân ESIT của Paris mà bắt nguồn từ Seleskovitch và Lederer vào những năm 20 đã tiếp cận vị trí phiên dịch mang tính đàm luận dựa vào thông dịch hội nghị. Đối tượng của phiên dịch trong quan điểm mang tính lý luận phân tích là vị trí hiểu nhau về ý một cách tổng quát, không phải là văn bản từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác mà vị trí của phiên dịch là hiểu văn bản được biểu hiện bằng các ngôn ngữ khác nhau và tái hiện một cách tất yếu tính tương đương, tính chất, mục đích, quan hệ về mặt văn hóa của hai ngôn ngữ được sử dụng của hai văn bản và quan hệ hàm số và phong thổ mang tính tinh thần, tính tri thức của hai văn bản, các đặc trưng giống nhau trong vị trí, thời kì của từ gốc và từ dùng để dịch. Lý luận phân tích là lý luận ý nghĩa và phiên dịch để tương đương.

Seleskovitch, học giả chính làm nên lý luận phân tích (Lý thuyết diễn giải của phiên dịch) trong một ngôn ngữ từng từ vựng được sử dụng hay trong phiên dịch có các biểu hiện của ngôn ngữ khác đã phân loại từ vựng thành hai nhóm lớn là theo từ đối đáp và biểu hiện tương đương mang tính mạch văn hay từ mang mạch văn.

Từ đối đáp: Hoán đổi vị trí một cách đơn giản của các từ là mặt khác của việc biểu thị chức năng, vị trí của từ ngữ, biểu hiện tương đương mang tính mạch văn, thêm vào đó từ mang mạch văn dù từ đối đáp không tồn tại tùy theo mạch

văn cũng có thể chỉ ra từ ngữ tìm được để không ngừng biểu thị tính tương đương mới.

Phiên dịch: Sử dụng các ngôn ngữ khác nhau tạo thành tính tương đương giữa các từ vựng, biểu hiện mang tính ngôn ngữ. Seleskovitch đã chia tính tương đương tồn tại trong từ vựng thành 3 nhóm.

1. Tính tương đương mang nguồn gốc từ: Quan hệ đồng nhất khi chuyển từ định nghĩa trong từ điển của từ vựng trong văn bản sang từ đích.

2. Tính tương đương mang mạch văn: Trong trường hợp không thể tạo được tính tương đương mang nguồn gốc từ, tìm ra tính tương đương về ý nghĩa hợp lý trong mạch văn để phiên dịch.

3. Tính tương đương thông thường: Quan hệ tương đương được hình thành từ quan hệ giữa các từ đối đáp theo cách sử dụng mang tính xã hội, văn mạch.

Lederer chia tính tương đương thành tính tương đương mang tính nhận thức và tính tương đương mang tính cảm xúc.

Điểm chung của ngôn ngữ dịch là càng đi sâu vào công việc biên dịch văn bản càng khó biểu hiện những đáp ứng những quan hệ về mặt từ vựng hay cú pháp câu, cần sử dụng linh hoạt kiến thức của bản thân khi dịch để nội dung văn bản dịch không bị sai lệch, hư cấu mà cần chính xác.

Phương pháp đáp ứng (correspondence) là trong văn bản gốc và văn bản dịch cho thấy mối quan hệ mang tính ngôn ngữ khi dịch ra vẫn thống nhất về nội dung, ý nghĩa. Delisle là quan hệ thống nhất được hình thành của ngôn ngữ này với ngôn ngữ khác trong cuộc hội thoại, và cũng được định nghĩa và đặc trưng của công việc chuyển đổi các đoạn code. Ví dụ như từ literature của tiếng anh có thể chuyển đổi thành littérature, documentation, documents..... Của tiếng Pháp. Cần hiểu rõ, biết trước mạch văn, ý đồ của tác giả để có thể chọn

lựa chính xác những yếu tố liên kết, những từ từ có tính kỹ thuật rõ ràng, về số hay từ ngữ cần sử dụng.

Phương pháp Seleskovitch, mọi người trừ các học giả, chỉ ra những nét tương đồng về tính thống nhất về nội dung và ý nghĩa, sự tương đồng trong hiệu quả đạt được. Nhưng những người theo chủ nghĩa phân tích luôn cho rằng không cần thiết phải tách bạch về cách hiểu về phương pháp đáp ứng và đồng nhất. Các giai đoạn trong văn mạch cần có sự liên mạch với nhau về không gian, thời gian, thứ tự xuất hiện cũng cần liên mạch.

2.5 Bối cảnh tri thức mang tính văn hóa

Dịch là việc giao tiếp giữa thông qua một thông điệp được hình thành trên các nền văn hóa khác nhau. Lúc này, để các độc giả của ngữ đích có thể hiểu được thông điệp của văn bản được dịch thì các tri thức về ngôn ngữ, văn hóa cần phải được sử dụng. Kể cả các vấn đề về ngôn ngữ có được giải quyết ở một mức độ nào đó mà các khái niệm văn hóa xuất hiện giữa hai ngôn ngữ không được xử lý ổn thỏa thì vẫn không thể coi đó là việc dịch trọn vẹn. Bởi vì một ngôn ngữ thì vừa mang các quan niệm cố định thống nhất, các đặc điểm về đời sống tập quán sinh hoạt cố định lại vừa thể hiện vừa trực tiếp lẫn gián tiếp các phong tục tập quán ấy. Vì thế nên người dịch cần phải hiểu biết đầy đủ về văn hóa của ngữ gốc và ngữ đích mà mình định dịch.

Hành động được gọi là dịch thì bản thân nó nhất định phải mang tính văn hóa chuẩn và đương nhiên phải hiểu rõ ràng về văn hóa đó. Kể cả trong phạm trù từ vựng đơn thuần, việc tìm sự khác biệt về biểu hiện đã thực sự khó hơn tưởng tượng rất nhiều nhưng trong việc dịch văn hóa thì sự thật khác biệt trong biểu hiện ẩn dụ hay hoán dụ còn phải cân nhắc tới những khác biệt về bối cảnh văn hóa trong ngôn ngữ đó. Nếu truyền đạt các biểu hiện chứa nhiều yếu tố văn hóa tới độc giả ngữ đích một cách thẳng tuột thì có thể có những trường hợp là người đọc hiểu sai lệch hoặc cũng có thể hoàn toàn không hiểu gì cả. Bởi vì độc

giả ngữ đích không có những kiến thức và thông tin mang tính văn hóa như giữa độc giả và tác giả của văn bản nguồn (được gọi là “mutual knowledge”) nên dù có hiểu cũng vẫn xuất hiện không ít khó khăn. Khi độc giả đọc các biểu hiện ẩn dụ hay hoán dụ mang tính văn hóa của văn bản nguồn mà có quá nhiều thông tin họ không biết thì khả năng đọc hiểu sẽ tụt giảm do thiếu kiến thức về văn hóa và do áp lực thông tin. Snell-Hormby giải thích điều này như sau.

Trong việc dịch các ví von văn hóa thì vấn đề lớn nhất tồn tại là các văn hóa khác nhau, tức là các ngôn ngữ khác nhau lại thể hiện các biểu tượng và các khái niệm theo những cách khác nhau. Vì thế nên trường hợp các ẩn dụ có liên quan mật thiết với đặc trưng văn hóa. Newmark đã nói có những trường hợp làm xuất hiện ý nghĩa xấu và tính chất hung bạo, lấy ví dụ là các trường hợp ẩn dụ liên quan tới động vật như “She is a cat”. Tuy nhiên trong tiếng Đức thì “Katze” lại không làm xuất hiện ý nghĩa xấu và tính chất hung bạo mà lmf xuất hiện sự nghi ngờ, không rõ ràng. Cho nên nếu như truyền tải biểu hiện tiếng Anh nguyên xi sang tiếng Đức thì ý nghĩa thật sự của ẩn dụ đó sẽ không được truyền đạt đầy đủ đúng cách (1995: 56).

Gutt cũng khẳng định không thể truyền đạt các thông tin văn hóa mà không liên quan tới độc giả một cách cứng nhắc. Chúng ta sẽ cùng xem một ví dụ rất hay được sử dụng. Cụm danh từ “Children of the bridechamber” bằng chữ cái Latin rất thường hay xuất hiện và kể cả những người không quen với biểu hiện hoán dụ trong cụm từ này những vẫn nảy sinh những khó khăn đáng kể. Nếu dịch một cách dễ hiểu ý nghĩa của biểu hiện ấy theo tiếng Anh thì dịch là “The friends of the bridegroom” hay “Wedding guest”, “Bạn bè của chú rể” hay “Các khách khứa tham dự hôn lễ” đã có thể được coi là hợp lý.

Thêm nữa, cụm từ bằng chữ cái Latin “Heap coals of the fire on his head” cũng được dịch sang tiếng Hàn là “Lửa dồn trên đầu anh ấy”. Tuy nhiên biểu hiện này chứa đựng nghĩa là “Một người nào đó xấu hổ do hành động của chính

mình”. Nếu như không hề biết bối cảnh văn hóa này mà dịch, cho dù có truyền tải chính xác hình thức của thông điệp đó vẫn sẽ ra kết quả là không truyền tải được một chút nội dung nào. Việc dịch như vậy là việc dịch không hợp lý.

Ví dụ hình ảnh một động vật thì phải vất vả tìm các ý tưởng cần thiết để độc giả Hàn Quốc dù không quen nhưng vẫn hiểu, đồng thời nếu có thể chấp nhận ở một mặt nghĩa khác thì phải truyền tải bằng cách giải thích hình ảnh đó hoặc đổi thành thành ngữ thuộc về ngữ đích. Có điều các trường hợp mà biến đổi về biểu hiện ẩn dụ trong ngữ đích hoặc chỉ nhấn mạnh vào mặt ngữ nghĩa thì cũng có thể làm mất đi bối cảnh văn hóa đặc trưng và thú vị của ngữ gốc. Về các cách bổ sung giải thích về tình huống văn hóa thì có thể giải thích trong câu hoặc là thêm vào các chú thích hay phụ lục. So với việc giải thích dài dòng trong câu thì việc giải thích ở chú thích có thể mang lại những ý nghĩa mới mẻ hơn.

Người dịch phải hiểu một cách thấu đáo bối cảnh văn hóa ở ngữ nguồn, nắm rõ các biểu hiện này trong văn bản nguồn và phải truyền tải một cách hợp lý cho các độc giả của văn bản đích. Những trường hợp truyền đạt bằng ngôn ngữ tốt mà không nắm rõ và bỏ qua các cụm thông ngữ, thành ngữ có xuất hiện bối cảnh văn hóa, lịch sử là rất nhiều nên cần phải chú ý. Người dịch thông qua các hiểu biết đúng đắn về hai nền văn hóa ở vị trí “Văn hóa trung gian”, để hạn chế tối đa các chướng ngại cũng như khó khăn trong nếp nghĩ có thể ảnh hưởng đến cả hai nền văn hóa do việc dịch sai gây ra, cần phải thể hiện đúng vai trò của người làm trung gian văn hóa.

2.6 Năng lực biên dịch cần có trong công việc biên dịch

Trong xã hội hiện đại, biên dịch là khái niệm thể hiện sự quan trọng của việc đánh giá bản dịch, thêm vào đó là trong xã hội hiện đại được ví với câu nói là sức mạnh dân tộc nên khả năng chứa đựng nội dung của bản dịch là cực kì quan trọng. Chúng ta có thể tìm hiểu ở nhiều góc độ nhưng trong cuốn sách này sẽ lấy tiêu chuẩn đánh giá của việc biên dịch văn học làm tiêu chuẩn từ

phương diện ngôn ngữ, ý nghĩa văn học, văn hóa để tìm xem những năng lực biên dịch nào mà người biên dịch phải có. Trong cuốn sách này, phương hướng biên dịch sẽ được làm rõ bằng việc lấy trọng tâm công việc biên dịch Anh – Hàn từ ngôn ngữ B(tiếng anh) sang ngôn ngữ A(ngôn ngữ Hàn chuẩn).

Đầu tiên, ở phương diện ngôn ngữ, việc ý thức công việc phiên dịch cần mang tính đầy đủ, trung thực của cả ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích là rất quan trọng. Tính xác thực của ngôn ngữ nguồn là một khái niệm vô cùng quan trọng của việc biên dịch văn học. Về tính xác thực của các mặt cú pháp, ý nghĩa, khả năng sử dụng, tất cả đều phải được cân nhắc, lựa chọn ngôn ngữ biên dịch phù hợp nhất. Rydning trong công việc phiên dịch từ A(ngôn ngữ Hàn chuẩn) sang B(ngoại ngữ khác) đã chỉ ra những vấn đề giới hạn mà công việc biên dịch gặp phải và có thể nói các vấn đề nổi lên về mặt ngôn ngữ là rất nhiều.

Khả năng biểu hiện của về thể loại văn của một tác phẩm văn học nằm ở việc biểu hiện những vấn đề nổi lên sau như : nhịp vần, giai điệu, ẩn dụ, biện pháp nghệ thuật sử dụng là vô cùng đa dạng. Tổng hợp giải quyết các vấn đề trên rồi hiểu các vấn đề đặc trưng trong ngôn ngữ đích để dịch giả có được những hiệu quả tốt về cả mặt tình cảm, tái hiện lại để truyền lại đến với người đọc. Thành công của công việc khó khăn này là dựa vào mức độ khéo léo, sắp xếp chặt chẽ các việc, yêu cầu sự am hiểu về văn học của dịch giả, khả năng cảm nhận cái hay, cái đẹp của tác phẩm.

Giá trị chất lượng của việc biên dịch thể hiện ở sự thống nhất của hai yếu tố hữu hình là tính thống nhất của những thông tin thấy được bằng mắt và sự đồng nhất của hiệu quả về mặt cảm xúc. Để tạo ra tính thực tế của giá trị chất lượng cần phải hiểu rõ văn bản gốc, có những tri thức đầy đủ về đề tài cần biên dịch đặt trên bối cảnh của văn học nước ngoài. Phương pháp biên dịch hợp lý, những biểu hiện chuẩn mực của ngôn ngữ cũng là những yêu cầu với công việc biên dịch.

Một mặt tác giả nắm bắt nội dung, ý đồ của văn bản là gì, qua lời văn chuyển tải đến độc giả phải đạt được hiệu quả như thế nào. Theo Nord dung chủ trương thống nhất tất cả trong mức độ của độc giả, nhưng sự thật người tiếp nhận văn bản và ý đồ của tác giả có sự khác biệt. Người biên dịch cần phải dịch nắm bắt ý đồ thật sự của tác giả, giữa những biểu hiện đa dạng của văn bản gốc cần phân biệt những phép ẩn dụ ẩn chứa trong văn bản được viết ra trong ý đồ của tác giả hay những ngôn ngữ mang tính chất đời thường. Những điều sau giải thích vai trò của việc phiên dịch :

Thứ nhất, công việc phiên dịch cần phân tích một cách chính xác ý đồ của tác giả

Thứ hai, Công việc phiên dịch cần chuyển tải ngôn ngữ đến mức những người độc giả tiếp nhận ngôn ngữ đích cũng của thể phân tích những điểm mà dịch giả phân tích từ văn bản gốc.

Thứ ba, Nền tảng tri thức và kì vọng của những độc giả đọc văn bản gốc và những độc giả tiếp nhận văn bản dịch cần giống nhau để duy trì một cách thống nhất về cách hiểu văn bản

Thêm vào đó cần cân nhắc những yếu tố cần thiết về mặt tâm lý, xã hội, ngôn ngữ học từ quan điểm của đối tượng tiếp nhận văn bản, khiến những độc giả tiếp nhận ngôn ngữ đích có thể đọc một cách tự nhiên. Trong văn hoá, cách thức biên dịch cần lấy những điểm nổi bật phù hợp với nội dung. Đối tượng tiếp nhận văn bản có thể giải quyết những vấn đề trong đó một cách hợp lý để tiếp nhận văn bản. Đôi khi gặp phải những biểu hiện khó do những rào cản nhỏ nhặt hoặc những yếu tố làm mạch văn không được liền mạch nên khi dịch ngôn ngữ trên phương diện văn hoá và ngữ pháp cần chọn cách biểu hiện phù hợp.

Từ quan điểm cao hơn về mặt văn học, tính hàm chứa, đa nghĩa, tính mới lạ của ngôn ngữ văn học, việc biên dịch cần làm đó là tái hiện. Đứng trên lập trường, chức năng của công việc biên dịch, cần hiểu rõ tác dụng của những suy

ngữ, âm thanh, tiếng khóc, dư âm vọng lại của văn bản gốc để tạo nên một tác phẩm dịch. Những ý nghĩa ẩn chứa của ngôn ngữ cần được hiểu, tình huống, chất thơ của văn mạch cũng cần được tái hiện thành công, những ý nghĩa hàm chứa dù có thể không được thống nhất một cách hoàn toàn nhưng cũng cần được đảm bảo đầy đủ. Một mặt về mặt tác phẩm, một mặt về mặt ngôn ngữ, thậm chí trong cùng một ngôn ngữ cũng khó để chuyển tải nội dung giống hoàn toàn, nhưng trong một số trường hợp thì bản dịch lại có thể làm được điều đó. Trường hợp của những độc giả đọc những tác phẩm thơ được viết bằng ngôn ngữ quy phạm. Dù là tác phẩm viết bằng ngôn ngữ quy phạm bằng ngôn ngữ của mình nhưng cũng không thể chuyển tải phản ánh một cách giống hệt toàn bộ nội dung bằng một tác phẩm khác. Từ ngôn ngữ của bản thân, viết thành ngôn ngữ thơ rồi lại được dịch và đọc. Văn học có chức năng đặc biệt hóa ngôn ngữ và biên dịch cũng có chức năng đặc biệt hóa văn học vì vậy ở đây yếu tố sáng tạo trong văn học là rất quan trọng.

Thử lấy một ví dụ của trường hợp biên dịch của bộ sách Kim Ok, nhận được nhiều sự quan tâm của người trong lĩnh vực biên dịch.

Việc không thể biên dịch ý nghĩa của tác phẩm chính xác hoàn toàn là sự thật. Nhưng vẫn có những điều cần phải hoàn thành, cần sự nỗ lực sáng tạo ra những cái mới trong tác phẩm. Vậy nên đó sẽ là một ngành công nghiệp nghèo nàn, không thể tồn tại nếu thiếu sự cố gắng, không chờ đợi những tố chất tích cực của khả năng diễn đạt cần được phát huy và chỉ trông chờ vào việc nhận được sự quan tâm từ phía độc giả. Văn bản gốc và văn bản dịch luôn được phân chia rõ ràng. Mỗi cái có một sự tồn tại độc lập, từ giá trị của văn bản gốc chuyển sang nội dung của văn bản dịch chứ không thể chỉ chú trọng vào sự sáng tác cho văn bản dịch. Nếu lỗi từ văn bản dịch khó thể phân biệt với văn bản gốc thì sự tồn tại độc lập mang tính nghệ thuật của văn bản gốc cùng những giá trị được công nhận thì nội dung biên dịch cũng cần phải đạt được như vậy.

Để hiểu được văn bản, những kiến thức về văn hóa là rất cần thiết. Những kiến thức cụ thể, chính xác về văn hóa giữa hai ngôn ngữ là vô cùng quan trọng. Nếu không ý thức được sự khác biệt giữa hai văn hóa có thể gây ra những hậu quả không mong muốn. Công việc biên dịch đòi hỏi dù là nắm bắt chính xác những kiến thức cơ quan mang tính quy chuẩn hoặc những nét truyền thống của văn hóa bản địa thì cũng là việc không dễ để hiểu được những đặc trưng khu biệt về văn hóa nước ngoài về những nghĩa ẩn, nghĩa bao hàm

Trong biên dịch văn hóa, dù là sử dụng phương pháp biên dịch nào, cũng có nhiều cách để làm ra nhưng tính xác thực với văn bản gốc luôn được đặt lên hàng đầu, đồng thời trong sự quan tâm của nhóm đối tượng ngôn ngữ có tính sinh hoạt thực tế của những khi vực riêng thì việc được đặt lên hàng đầu khi dịch đó là tính sát thực, đầy đủ. Trong trường hợp biên dịch cụ thể cần cân nhắc thể loại văn bản và lựa chọn phương pháp dịch phù hợp. Về việc biên dịch ra tiếng Anh từ chữ quốc ngữ là một công việc cần không ngừng được mở rộng. Việc biên dịch cũng góp phần trong việc tạo ra những từ ngữ mới, trong cấu tạo về mặt ý nghĩa, ngữ pháp của chữ quốc ngữ, có ảnh hưởng làm phong phú, đầy đủ hơn những khái niệm trong ngôn ngữ.